

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 118/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12 – 12 – 2025

*Về việc Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

2. Ông Lâm Minh Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ.

Trong ngày 12 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 175/2025/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2025, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 349/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Chị Dương Thị G, sinh ngày 16/10/1990.*

Hộ khẩu thường trú: Khu vực W, phường V, thành phố Cần Thơ.

Nơi ở hiện tại: ấp V, xã V, thành phố Cần Thơ.

** Bị đơn: Anh Liêu S, sinh năm 1982.*

Địa chỉ: Khu V, phường V, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2025 cũng như tại đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn Dương Thị G trình bày:

Chị Dương Thị G và anh Liêu S tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn và

đã được Ủy ban nhân dân xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/11/2010. Trong thời gian sống chung vợ chồng có 01 (một) con chung Liêu Hoàng N (nam) sinh ngày 25/5/2011. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính cách nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn hạnh phúc nên không sống chung từ tháng 12/2020 đến nay.

Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa. Nay chị G yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Dương Thị G yêu cầu được ly hôn với anh Liêu S.
- Về con chung: Chị Dương Thị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Liêu Hoàng N (nam) sinh ngày 25/5/2011.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thị G yêu cầu anh Liêu S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), cấp dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.
- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Dương Thị G khẳng định tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ do chị G giao nộp là bản sao Giấy chứng nhận kết hôn của chị Dương Thị G và anh Liêu S; bản sao căn cước công dân của chị Dương Thị G; bản sao Giấy khai sinh của cháu Liêu Hoàng N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Liêu S trình bày: Anh Liêu S và chị Dương Thị G tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/11/2010. Trong thời gian sống chung vợ chồng có 01 (một) con chung Liêu Hoàng N (nam) sinh ngày 25/5/2011.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần dần phát hiện cả hai không đồng quan điểm, không hợp tính tình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc nữa nên không sống chung từ năm 2020 đến nay.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Liêu S đồng ý ly hôn với chị Dương Thị G.
- Về con chung: Anh Liêu S đồng ý giao cho chị Dương Thị G được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Liêu Hoàng N (nam) sinh ngày 25/5/2011 cho đến khi cháu N thành niên.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Liêu S đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), cấp dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Liêu S khẳng định tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Dương Thị G khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Liêu S và yêu cầu nuôi dưỡng con chung. Yêu cầu của chị G được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt, nguyên đơn có trình bày rõ các yêu cầu của mình và Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao căn cước công dân, Giấy khai sinh của con chung là Liêu Hoàng N cũng như lời trình bày của các bên đương sự; đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị G và anh S về việc kết hôn được Ủy ban nhân dân xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/11/2010 và vợ chồng đã có 01 (một) con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị G và anh S đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, hiện nay chị G và anh S đã không còn lòng tin và tình yêu thương lẫn nhau; mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau nuôi dạy con chung. Như vậy, chị G và anh S đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị G được ly hôn với anh S.

Đối với quyền nuôi con chung: Tại thời điểm xét xử vụ án cháu Liêu Hoàng N còn nhỏ, hiện đang sống với mẹ, như vậy chị G đã thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ

quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình. Mặc khác, tại phiên tòa sơ thẩm, anh S đồng ý giao cho chị G được tiếp tục nuôi dưỡng con chung nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị G được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu cháu Liêu Hoàng N (nam) sinh ngày 25/1/2011 cho đến khi cháu N thành niên theo nguyện vọng của cháu N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, việc cấp dưỡng là nghĩa vụ của cha, mẹ đồng thời là để tạo điều kiện tốt hơn cho chị G nuôi dưỡng hai con được tốt hơn. Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm, anh S đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), cấp dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn Liêu S về việc anh S, cấp dưỡng nuôi cháu Liêu Hoàng N mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Các đương sự khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Dương Thị G phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Án phí cấp dưỡng: Anh Liêu S phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Dương Thị G được ly hôn với anh Liêu S.

2. Về con chung: Giao cho chị Dương Thị G được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Liêu Hoàng N (nam) sinh ngày 25/5/2011 đến khi cháu N thành niên theo nguyện vọng của hai cháu.

Trong thời gian chị Dương Thị G nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Liêu S về việc cấp dưỡng nuôi con; theo đó anh Liêu S cấp dưỡng nuôi cháu Liêu Hoàng N (nam) sinh ngày 25/5/2011 mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), cấp dưỡng cho đến khi cháu Liêu Hoàng N đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, trừ khi thuộc trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Cấp dưỡng lần đầu là ngày 12/12/2025, việc cấp dưỡng của anh S được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu Liêu Hoàng N, chị Giàu có T yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh S có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Dương Thị G phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007582 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, chị G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng: Anh Liêu S phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

6. Anh Liêu S có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; chị Dương Thị Giàu C quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 8 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Vĩnh Hải,
thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VÕ THỊ HIẾU